TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 8 – 2020
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Trần Thị Mỹ Hương.
- Ông Hà Trọng Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 590/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Hồng T, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường G, khóm T, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đại Th, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường G, khóm T, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 09/6/2020 và tại phiên tòa, chị Huỳnh Hồng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đại Th đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính) anh Th đã xé bỏ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng chị không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và hay xúc phạm chị, còn đập phá đồ đạt trong nhà. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Do đó, rạn nứt tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay thấy không còn tình cảm, không thể sống chung nên chị yêu cầu ly hôn anh Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Phát L, sinh ngày 25/4/2014, hiện cháu Tr đang sống với anh Th, cháu L sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu L, giao cháu Tr cho anh Th nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Đối với anh Nguyễn Đại Th, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh Th vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đại Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 16/7/2020, ngày 28/7/2020, ngày 14/8/2020, ngày 26/8/2020 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Hồng T và anh Nguyễn Đại Th tổ chức đám cưới, chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Quá trình chung sống theo chị T trình bày: Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng chị không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt và hay xúc phạm chị, còn đập phá đồ đạt trong nhà. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Do đó, rạn nứt tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay thấy không còn tình cảm, không thể sống chung nên chị yêu cầu ly hôn anh Th. Đối với anh Th không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: Chị T và anh Th có phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định không còn tình cảm với anh Th và hiện anh chị cũng đã ly thân, trong khi anh Th cũng không có thiện chí hàn gắn vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh Th.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Phát L, sinh ngày 25/4/2014, hiện cháu Tr đang sống với anh Th, cháu L sống với chị. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, chị đồng ý giao cháu Tr cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu Tr đang sống với anh Th, cháu L đang sống với chị T và chị T cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, nguyện vọng cháu Tr muốn sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Anh Th không gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến về việc nuôi con và tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Tr cho anh Th, giao cháu L cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th, chị T không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị T khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Hồng T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Đại Th.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/12/2008 cho anh Nguyễn Đại Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Phát L, sinh ngày 25/4/2014 cho chị Huỳnh Hồng T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th, chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị T khai không có.
- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Huỳnh Hồng T phải chịu 300.000đ. Ngày 29 tháng 6 năm 2020, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002058 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- UBND xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu